

Số: 14 /SAVINA/CV/2018
V/v: Công bố thông tin BCTC năm 2017

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

**Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Sách Việt Nam
2. Mã chứng khoán : VNB
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 44 Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
4. Điện thoại: (024) 3.9348790 Fax: (024) 3.9341591
5. Người thực hiện công bố thông tin: Lê Thăng Long
6. Loại thông tin công bố: Định kỳ
7. Nội dung của thông tin công bố: BCTC năm 2017 đã kiểm toán
8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ BCTC: <http://www.savina.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết toàn bộ thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT



LÊ THĂNG LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **13**/SAVINA/CV/2018
V/v: Giải trình chênh lệch BCTC năm 2017

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Kính gửi:

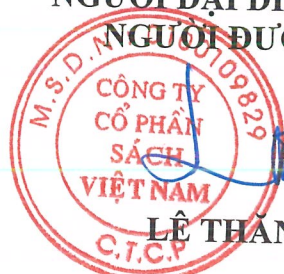
Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Sách Việt Nam
 2. Mã chứng khoán : VNB
 3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 44 Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
 4. Điện thoại: (024) 3.9348790 Fax: (024) 3.9341591
 5. Người thực hiện công bố thông tin: Lê Thăng Long
 6. Loại thông tin công bố: Định kỳ
 7. Nội dung của thông tin công bố:
 - Giải trình số liệu kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có chênh lệch 5% trở lên.
 - Giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.
 8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ BCTC: <http://www.savina.com.vn>
- Chúng tôi xin cam kết toàn bộ thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT



LÊ THĂNG LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN
SÁCH VIỆT NAM

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM

DN: c=VN, st=HÀ NỘI, l=Hoàn Kiếm,
cn=CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM,
0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100109829
Date: 2018.03.30 19:56:07 +07'00'

BẢN GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG KẾT QUẢ KINH DOANH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017

Mã số	Chỉ tiêu	Năm 2017 - Theo số liệu BC kiểm toán	Năm 2017 - Theo số liệu BCTC đã CBTT Quý 4/17	Chênh lệch	Tỷ lệ % chênh lệch
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.191.101.491	31.191.101.491		0%
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu				
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.191.101.491	31.191.101.491		0%
11	4. Giá vốn hàng bán	25.567.427.151	25.567.427.151		0%
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.623.674.340	5.623.674.340		0%
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	42.274.645.699	40.608.935.876	1.665.709.823	4%
22	7. Chi phí tài chính	33.251.314	33.251.314		0%
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay				
25	8. Chi phí bán hàng	6.086.319.318	6.086.319.318		0%
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.155.795.329	15.155.795.329		0%
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	26.622.954.078	24.957.244.255	1.665.709.823	7%
31	11. Thu nhập khác	681.537.397	681.537.397		0%
32	12. Chi phí khác				
40	13. Lợi nhuận khác	681.537.397	681.537.397		0%
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.304.491.475	25.638.781.652	1.665.709.823	6%
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành				
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.304.491.475	25.638.781.652	1.665.709.823	6%

Giải trình nguyên nhân biến động trong trường hợp KQKD giữa hai báo cáo biến động từ 5% trở lên

- Doanh thu tài chính, lợi nhuận trong báo cáo của kiểm toán so với báo cáo CBTT Quý 4/2017 của Công ty thay đổi do: Vào ngày 20 tháng 3 năm 2018, Công ty đã nhận được Quyết định số 891/QĐ-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần: trong đó lãi từ tài khoản phong tỏa từ 27/4/16 đến 31/12/17 được ghi nhận cho công ty cổ phần nên doanh thu tài chính tăng.

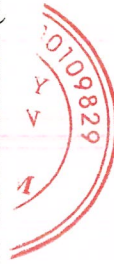


BẢN GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG KẾT QUẢ KINH DOANH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017

Mã số	Chi tiêu	Năm 2017	Giai đoạn tài chính 27/04/16 đến 31/12/16	Chênh lệch	Tỷ lệ % chênh lệch
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.191.101.491	18.118.020.688	13.073.080.803	72%
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu				
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.191.101.491	18.118.020.688	13.073.080.803	72%
11	4. Giá vốn hàng bán	25.567.427.151	12.388.255.136	13.179.172.015	106%
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.623.674.340	5.729.765.552	(106.091.212)	-2%
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	42.274.645.699	21.431.245.148	20.843.400.551	97%
22	7. Chi phí tài chính	33.251.314	61.724.679	(28.473.365)	-46%
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay				
25	8. Chi phí bán hàng	6.086.319.318	4.428.686.376	1.657.632.942	37%
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.155.795.329	11.229.390.754	3.926.404.575	35%
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	26.622.954.078	11.441.208.891	15.181.745.187	133%
31	11. Thu nhập khác	681.537.397	165.786.698	515.750.699	311%
32	12. Chi phí khác		346.495.970	(346.495.970)	
40	13. Lợi nhuận khác				
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (	681.537.397	(180.709.272)	862.246.669	-477%
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.304.491.475	11.260.499.619	16.043.991.856	142%
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.304.491.475	2.378.626.181	(2.378.626.181)	-100%
			8.881.873.438	18.422.618.037	207%

Giải trình nguyên nhân biến động trong trường hợp KQKD giữa hai kỳ báo cáo biến động từ 10% trở lên

Theo báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017 là: 27.304 triệu đồng; tăng 207% so với cùng kỳ năm 2016. Nguyên nhân là do: kỳ kế toán năm 2016 của Công ty Cổ phần bắt đầu từ 27/04/2016 đến 31/12/2016 (Kỳ kế toán không trọn năm).



CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 12...../SAVINACV/2018

V/v: Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Kính gửi:

**Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Sách Việt Nam
2. Mã chứng khoán : VNB
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 44 Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Q.Hoàn kiếm, TP Hà Nội
4. Điện thoại: (04) 3.9348790 Fax: (04) 3.9341591
5. Người thực hiện công bố thông tin: Lê Thăng Long
6. Nội dung của thông tin công bố: Ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính.

Ngày 30/03/2018, chúng tôi đã thực hiện công bố thông tin BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Trên báo cáo kiểm toán, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ. Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ như sau:

- Trong các kỳ báo cáo trước đây, giá thành hàng tồn kho bình quân đầu kỳ, là các ấn phẩm sách, báo được Công ty ghi nhận trên cơ sở bằng giá bìa trừ đi một mức chiết khấu nhất định cho từng đầu sách. Ngoài ra, Công ty cũng ghi nhận các đầu sách được đối tác ký gửi để bán qua hệ thống bán hàng của Công ty là hàng tồn kho tại ngày 26 tháng 4 năm 2016. Do hạn chế của hệ thống sổ sách kế toán của Công ty, kiểm toán viên không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định giá trị chiết khấu được Công ty ghi nhận vào giá thành hàng tồn kho tại ngày 27 tháng 04 năm 2016, cũng như xác định giá trị hàng tồn kho là sách do các đối tác ký gửi lại Công ty tại ngày này. Do đó kiểm toán viên không thể xác định được các điều chỉnh, nếu cần thiết, đối với báo cáo tài chính.



của công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Chúng tôi xin cam kết toàn bộ thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

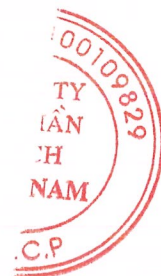
- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT ✓



LÊ THĂNG LONG



Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 38

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”), tiền thân là một Doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 3944/TC - QĐ ngày 19 tháng 12 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa – Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 12 năm 2010, Công ty chuyển đổi từ Tổng Công ty Sách Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 4 năm 2016, Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cho thuê văn phòng, kinh doanh và phát hành sách.

Công ty có trụ sở chính tại số 44 Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Thăng Long	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Thành viên
Bà Mai Hương Nội	Thành viên
Bà Nguyễn Mai Hoa	Thành viên
Bà Vũ Thị Hồng Xiêm	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Mai	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2017
Bà Nguyễn Việt Hà	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Thăng Long	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Thăng Long, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Lê Thăng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 61306203/19450143

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong các kỳ báo cáo trước thời điểm hoàn thành cổ phần hóa Công ty, là ngày 27 tháng 4 năm 2016, giá thành hàng tồn kho, là các ấn phẩm sách, báo, được Công ty ghi nhận trên cơ sở bằng giá bìa trừ đi một mức chiết khấu nhất định cho từng đầu sách. Ngoài ra, Công ty cũng ghi nhận các đầu sách được đối tác ký gửi để bán qua hệ thống bán hàng của Công ty là hàng tồn kho của Công ty tại ngày 27 tháng 4 năm 2016. Do hạn chế của hệ thống sổ sách kế toán của Công ty, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để kiểm tra giá trị chiết khấu được Công ty ghi nhận vào giá thành hàng tồn kho tại ngày 27 tháng 4 năm 2016, cũng như xác định giá trị hàng tồn kho là sách do các đối tác ký gửi tại Công ty tại ngày này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh, nếu cần thiết, đối với các dữ liệu liên quan đến giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 như được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan của năm hiện tại.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1067-2018-004-1

Trần Thanh Thúy
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3076-2014-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		710.916.681.887	724.959.645.705
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	88.213.533.589	99.596.238.006
111	1. Tiền		77.713.533.589	76.096.238.006
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.500.000.000	23.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	53.500.000.000	12.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		53.500.000.000	12.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		561.871.164.948	608.788.626.799
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	7.198.716.341	5.222.695.829
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	680.687.091	728.020.699
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	550.000.000.000	600.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	3.991.761.516	2.781.311.806
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	56.598.465
140	IV. Hàng tồn kho		7.331.983.350	4.571.780.900
141	1. Hàng tồn kho	9	7.331.983.350	4.571.780.900
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	3.000.000
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	3.000.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		37.582.022.143	38.223.891.664
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		135.000.000	-
216	1. Phải thu dài hạn khác		135.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		9.038.294.055	9.853.316.548
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	8.858.264.162	9.626.993.259
222	Nguyên giá		18.833.099.502	18.833.099.502
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.974.835.340)	(9.206.106.243)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	180.029.893	226.323.289
228	Nguyên giá		231.467.000	231.467.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(51.437.107)	(5.143.711)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	12.542.839.054	14.099.466.110
231	1. Nguyên giá		32.885.692.485	32.885.692.485
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(20.342.853.431)	(18.786.226.375)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		6.000.000.000	4.500.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	6.000.000.000	4.500.000.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	14	9.427.342.680	9.394.762.191
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		3.272.500.000	3.239.919.511
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.340.360.000	15.340.360.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(9.185.517.320)	(9.185.517.320)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		438.546.354	376.346.815
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		438.546.354	376.346.815
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		748.498.704.030	763.183.537.369

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		22.732.163.293	59.247.285.231
310	I. Nợ ngắn hạn		22.156.943.293	58.525.976.031
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	9.546.131.450	6.779.361.471
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		598.180.000	27.930.400
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	111.705.501	3.340.331.187
314	4. Phải trả người lao động		702.951.997	547.712.949
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	135.600.000	44.152.987.647
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		592.025.038	495.146.459
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	10.470.349.307	3.182.505.918
330	II. Nợ dài hạn		575.220.000	721.309.200
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	575.220.000	721.309.200
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		725.766.540.737	703.936.252.138
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	725.766.540.737	703.936.252.138
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		679.099.600.000	679.099.600.000
411a	- Cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết		679.099.600.000	679.099.600.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		71.821.151.584	71.791.507.009
421	3. Lỗ lũy kế		(25.154.210.847)	(46.954.854.871)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		(52.458.702.322)	(55.836.728.309)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		27.304.491.475	8.881.873.438
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		748.498.704.030	763.183.537.369

Nguyễn Thị Minh
Người lập

Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng



Lê Thăng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	31.191.101.491	18.118.020.688
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	31.191.101.491	18.118.020.688
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(25.567.427.151)	(12.388.255.136)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.623.674.340	5.729.765.552
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	42.274.645.699	21.431.245.148
22	7. Chi phí tài chính		(33.251.314)	(61.724.679)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	22	(6.086.319.318)	(4.428.686.376)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(15.155.795.329)	(11.229.390.754)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		26.622.954.078	11.441.208.891
31	11. Thu nhập khác	23	681.537.397	165.786.698
32	12. Chi phí khác		-	(346.495.970)
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác		681.537.397	(180.709.272)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		27.304.491.475	11.260.499.619
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	-	(2.378.626.181)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		27.304.491.475	8.881.873.438
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	402	131
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	27	402	131



Nguyễn Thị Minh
Người lập



Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng



Lê Thăng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

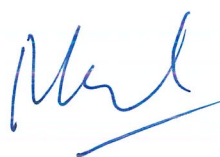
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		27.304.491.475	11.260.499.619
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình	10, 11, 12	2.371.649.549	1.579.570.046
03	Các khoản dự phòng		-	59.625.841
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	20.2	(42.273.585.988)	(21.415.976.945)
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(12.597.444.964)	(8.516.281.439)
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(1.855.846.204)	1.317.037.167
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(2.760.202.450)	3.016.341.069
11	Giảm các khoản phải trả		(40.458.377.038)	(8.737.570.202)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(62.199.539)	22.388.291
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(1.563.528.265)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(59.297.598.460)	(12.898.085.114)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.500.000.000)	(4.731.467.000)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(603.500.000.000)	(612.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		612.000.000.000	10.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		40.914.894.043	19.306.010.919
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		47.914.894.043	(587.425.456.081)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(11.382.704.417)	(600.323.541.195)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		99.596.238.006	699.919.779.201
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	88.213.533.589	99.596.238.006



Nguyễn Thị Minh
Người lập



Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng



Lê Thăng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam ("Công ty"), tiền thân là một Doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 3944/TC - QĐ ngày 19 tháng 12 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa – Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 12 năm 2010, Công ty chuyển đổi từ Tổng Công ty Sách Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 4 năm 2016, Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cho thuê văn phòng, kinh doanh và phát hành sách.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 44 Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 63 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 79 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	26 – 39 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 19 năm
Phương tiện vận tải	5 – 12 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

3.8 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	26 – 39 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 19 năm

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bằng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	79.447.947	149.169.408
Tiền gửi ngân hàng (ii)	77.634.085.642	75.947.068.598
Các khoản tương đương tiền (i)	10.500.000.000	23.500.000.000
TỔNG CỘNG	88.213.533.589	99.596.238.006

(i) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND tại ngân hàng thương mại với lãi suất 5,5%/năm và có kỳ hạn 3 tháng (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 5%/năm).

(ii) Đây chủ yếu là khoản tiền thu được từ việc bán cổ phần với số tiền là 74.037.963.608 VND trong tài khoản phong tỏa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng hưởng lãi suất từ 5,5%/năm đến 6,1%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: từ 5,5%/năm đến 6,5%/năm).

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	2.475.288.097	1.239.006.445
Công ty TNHH In và Thương mại Ba Sao	774.053.500	199.650.000
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	322.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại và Dịch vụ Lộc Việt	270.500.000	108.500.000
Công ty Cổ phần Phát triển In Việt Nam	-	135.380.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.108.734.597	795.476.445
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	4.723.428.244	3.983.689.384
TỔNG CỘNG	7.198.716.341	5.222.695.829
Trong đó:		
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán		
- Trung tâm Dịch thuật Dịch vụ Văn hóa và Khoa học Công nghệ	675.687.091	675.687.091
- Các đối tượng khác	5.000.000	52.333.608
TỔNG CỘNG	680.687.091	728.020.699

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản cho đối tác doanh nghiệp vay (i)	550.000.000.000	-
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	-	600.000.000.000
TỔNG CỘNG	550.000.000.000	600.000.000.000

(i) Đây là các khoản cho vay một đối tác doanh nghiệp với kỳ hạn 12 tháng, hưởng lãi suất từ 6%/năm và không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu lãi cho vay	3.907.412.499	-	332.053.887	-
Phải thu ngắn hạn khác	84.349.017	-	232.591.252	-
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	-	-	2.216.666.667	-
TỔNG CỘNG	3.991.761.516	-	2.781.311.806	-

9. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	7.331.983.350	-	4.571.780.900	-
TỔNG CỘNG	7.331.983.350	-	4.571.780.900	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số dư đầu năm	14.800.560.239	3.119.015.082	913.524.181	18.833.099.502
Tăng trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	14.800.560.239	3.119.015.082	913.524.181	18.833.099.502
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số dư đầu năm	6.026.312.204	2.566.254.233	613.539.806	9.206.106.243
Khấu hao trong năm	539.670.653	163.188.584	65.869.860	768.729.097
Số dư cuối năm	6.565.982.857	2.729.442.817	679.409.666	9.974.835.340
Giá trị còn lại:				
Số dư đầu năm	8.774.248.035	552.760.849	299.984.375	9.626.993.259
Số dư cuối năm	8.234.577.382	389.572.265	234.114.515	8.858.264.162

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Phần mềm máy tính

Nguyên giá:	
Số dư đầu năm	231.467.000
- Mua trong năm	-
Số dư cuối năm	231.467.000
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số dư đầu năm	5.143.711
- Hao mòn trong năm	46.293.396
Số dư cuối năm	51.437.107
Giá trị còn lại:	
Số dư đầu năm	226.323.289
Số dư cuối năm	180.029.893

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Đơn vị tính: VND		
	Nhà cửa	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	29.564.429.606	3.321.262.879	32.885.692.485
Tăng trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	29.564.429.606	3.321.262.879	32.885.692.485
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số dư đầu năm	16.052.719.017	2.733.507.358	18.786.226.375
- Khấu hao trong năm	1.400.435.784	156.191.272	1.556.627.056
Số dư cuối năm	17.453.154.801	2.889.698.630	20.342.853.431
Giá trị còn lại:			
Số dư đầu năm	13.511.710.589	587.755.521	14.099.466.110
Số dư cuối năm	12.111.274.805	431.564.249	12.542.839.054

Bất động sản đầu tư bao gồm các tòa nhà tại số 44 Phố Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm; số 22B Phố Hai Bà Trưng, Quận Hoàn Kiếm; Kho Bãi Châm tại Huyện Đông Anh và số 2 Dịch Vọng Phố Chùa Hà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội đang được Công ty sử dụng để cho thuê.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 do các bất động sản này không được giao dịch thường xuyên trên thị trường.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án 22A Hai Bà Trưng (i)	6.000.000.000	4.500.000.000
TỔNG CỘNG	6.000.000.000	4.500.000.000

(i) Đây là chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng cho dự án bất động sản tại khu đất số 22A Phố Hai Bà Trưng, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng (ii)	Giá trị ghi sổ (i)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ (*)
Đầu tư vào công ty liên kết	3.272.500.000	-	3.272.500.000	3.239.919.511	-	3.239.919.511
Đầu tư vào đơn vị khác	15.340.360.000	(9.185.517.320)	6.154.842.680	15.340.360.000	(9.185.517.320)	6.154.842.680
	18.612.860.000	(9.185.517.320)	9.427.342.680	18.580.279.511	(9.185.517.320)	9.394.762.191

(i) Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các cổ phiếu này chưa được niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán.

(ii) Đây là khoản dự phòng đầu tư tài chính vào Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc (Thuyết minh số 14.2).

14.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Đơn vị tính: VND

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	35	35	35	35

Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0104209630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 10 năm 2009. Công ty này sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần gần nhất là lần thứ 2 được cấp ngày 19 tháng 8 năm 2014. Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam có tổng số vốn điều lệ là 8,5 tỷ VND, trong đó Công ty nắm giữ 35% phần vốn chủ sở hữu. Hoạt động chính của công ty này là in ấn. Trụ sở chính của công ty này đặt tại số 22B, Phố Hai Bà Trưng, Phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

14.2 Đầu tư vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

Tên đơn vị	Ngành nghề	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc	Kinh doanh khách sạn	15,2	15,2	15,2	15,2

Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 524/GCNDĐC3/01/1 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 8 tháng 2 năm 1993. Công ty này sau đó cũng nhận được các Giấy phép Đầu tư sửa đổi với lần sửa đổi gần nhất vào ngày 31 tháng 8 năm 2012. Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc có tổng vốn điều lệ 6.804.000 USD. Hoạt động chính của Công ty này là kinh doanh dịch vụ khách sạn. Công ty có trụ sở chính tại số 23 Phố Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	9.457.075.450	9.457.075.450	6.779.361.471	6.779.361.471
- Công ty TNHH Thương mại Nhất Thống	814.964.736	814.964.736	1.008.644.872	1.008.644.872
- Công ty TNHH In và Thương mại Ba Sao	1.056.110.020	1.056.110.020	172.459.870	172.459.870
- Phải trả đối tượng khác	7.586.000.694	7.586.000.694	5.598.256.729	5.598.256.729
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 26)	89.056.000	89.056.000	-	-
TỔNG CỘNG	9.546.131.450	9.546.131.450	6.779.361.471	6.779.361.471

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	2.378.626.181	(815.097.916)	1.563.528.265	-
Thuế thu nhập cá nhân	62.848.016	199.278.248	197.128.295	64.997.969
Thuế giá trị gia tăng	38.817.604	84.225.792	76.335.864	46.707.532
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	860.039.386	419.311.931	1.279.351.317	-
TỔNG CỘNG	3.340.331.187	(112.281.945)	3.116.343.741	111.705.501

(i) Đây là khoản điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả và giảm lỗ lũy kế do Công ty thực hiện chuyển lỗ của giai đoạn trước cổ phần hóa (Thuyết minh số 19.1).

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí tiền thuê nhà, thuê đất	-	43.960.667.647
Trích trước chi phí khác	135.600.000	192.320.000
TỔNG CỘNG	135.600.000	44.152.987.647

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Phải trả cổ phần hóa (i)	7.646.389.847	3.133.138.280
Đặt cọc mua khoản đầu tư (ii)	2.000.000.000	-
Nhận đặt cọc thuê văn phòng	340.000.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	483.959.460	49.367.638
	10.470.349.307	3.182.505.918
Dài hạn		
Nhận đặt cọc thuê văn phòng	575.220.000	721.309.200
	575.220.000	721.309.200
TỔNG CỘNG	11.045.569.307	3.903.815.118

(i) Đây là khoản phải nộp Nhà nước theo Quyết định số 891/QĐ-BVHTTDL ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

(ii) Đây là khoản tiền đặt cọc từ một đối tác doanh nghiệp để nhận chuyển nhượng một khoản đầu tư của Công ty.

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND			
	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn chủ sở hữu khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế)
				Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016				
Vào ngày 27 tháng 4 năm 2016 (số dư đầu kỳ mang sang từ công ty TNHH)	46.027.982.408	-	3.380.973.209	68.869.921.627
Điều chỉnh sau cổ phần hóa (i)	633.071.617.592	71.791.507.009	(3.380.973.209)	682.021.185.382
Vào ngày 27 tháng 4 năm 2016 (số dư đầu kỳ của công ty cổ phần)	679.099.600.000	71.791.507.009	-	750.891.107.009
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	8.881.873.438
- Giảm khác (ii)	-	-	-	(55.836.728.309)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	679.099.600.000	71.791.507.009	-	703.936.252.138
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2017	679.099.600.000	71.791.507.009	-	703.936.252.138
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	27.304.491.475
- Tăng khác (iii)	-	-	-	815.097.916
- Tăng/(giảm) do phải nộp về Nhà nước (iv)	-	29.644.575	-	(5.892.106.090)
- Giảm khác (v)	-	-	-	(397.194.702)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	679.099.600.000	71.821.151.584	-	725.766.540.737

(i) Vào ngày 27 tháng 4 năm 2016, Công ty chính thức chuyển đổi từ công ty TNHH thành công ty cổ phần. Theo đó, Công ty ghi nhận các điều chỉnh tăng vốn điều lệ, tăng thặng dư vốn cổ phần và giảm các quỹ khác theo kết quả của cuộc đấu giá cổ phần.

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(ii) Đây là các điều chỉnh của Công ty đối với các tồn đọng về tài chính của Công ty TNHH MTV Sách Việt Nam trước khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần, chủ yếu bao gồm:

- Tiền thuê đất và thuê nhà chưa được ghi nhận;
- Các nghĩa vụ thuế với Nhà nước phát sinh trong các giai đoạn trước khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần chưa được ghi nhận;
- Các khoản phải thu tồn tại đã lâu hoặc không rõ đối tượng;
- Các khoản phải trả tồn tại đã lâu;
- Dự phòng giảm giá khoản đầu tư chưa được ghi nhận; và
- Doanh thu cho thuê mặt bằng của các giai đoạn trước khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần chưa được ghi nhận

Ban Tổng Giám đốc đã quyết định xử lý các tồn đọng này vào lần kế trong giai đoạn từ ngày 27 tháng 4 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo Hợp đồng mua bán cổ phần nhà đầu tư chiến lược ngày 17 tháng 3 năm 2016, Công ty Cổ phần Sách Việt Nam sẽ kế thừa toàn bộ trách nhiệm, nghĩa vụ của Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam các tồn đọng về tài chính, về pháp lý, đặc biệt là những nội dung liên quan đến các cơ sở nhà đất Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam đang quản lý, sử dụng, trong đó có các khoản nợ tiền thuê nhà, đất của nhà nước chưa được tính đến thời điểm bàn giao sang Công ty Cổ phần Sách Việt Nam, khoản nợ này sẽ được tính vào chi phí của Công ty Cổ phần Sách Việt Nam.

(iii) Đây là khoản điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả và giảm lỗ lũy kế do Công ty thực hiện chuyển lỗ của giai đoạn trước cổ phần hóa (Thuyết Minh số 16);

(iv) Đây là khoản phải nộp Nhà nước từ cổ phần hóa theo Quyết định số 891/QĐ-BVHTTDL ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần; và

(v) Đây là khoản điều chỉnh phạt chậm nộp tiền thuê nhà và tiền thuê đất phát sinh trước giai đoạn cổ phần hóa của Công ty.

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường
Vốn cổ phần của Nhà nước	67.909.960.000	67.909.960.000	-	67.909.960.000	67.909.960.000
Vốn cổ phần của Tập đoàn					
Vingroup – Công ty CP	443.642.740.000	443.642.740.000	-	443.642.740.000	443.642.740.000
Vốn cổ phần của cổ đông khác	167.546.900.000	167.546.900.000	-	167.546.900.000	167.546.900.000
Thặng dư vốn cổ phần	71.821.151.584	71.821.151.584	-	71.791.507.009	71.791.507.009
TỔNG CỘNG	750.920.751.584	750.920.751.584	-	750.891.107.009	750.891.107.009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016
Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm/kỳ	679.099.600.000	46.027.982.408
Điều chỉnh sau cổ phần hóa	-	633.071.617.592
Số cuối năm/kỳ	<u>679.099.600.000</u>	<u>679.099.600.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

19.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đăng ký phát hành, đã phát hành và đang được lưu hành	67.909.960	679.099.600.000	67.909.960	679.099.600.000
Cổ phiếu phổ thông	67.909.960	679.099.600.000	67.909.960	679.099.600.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2016: 10.000 VND/cổ phiếu).

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tổng doanh thu	31.191.101.491	18.118.020.688
Trong đó:		
Doanh thu từ bán hàng hóa	18.939.563.571	9.446.495.205
Doanh thu từ cho thuê văn phòng	12.251.537.920	8.671.525.483
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	31.191.101.491	18.118.020.688
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	26.445.290.774	16.605.135.214
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 26)	4.745.810.717	1.512.885.474

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU (tiếp theo)

20.2 Doanh thu từ hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016
Lãi tiền gửi	4.491.285.986	1.232.643.611
Lãi cho vay	37.461.000.002	20.183.333.334
Cổ tức, lợi nhuận được chia	321.300.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.059.711	15.268.203
TỔNG CỘNG	42.274.645.699	21.431.245.148

20.3 Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư

	Đơn vị tính: VND	
	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016
Thu nhập từ cho thuê bất động sản đầu tư	12.251.537.920	8.671.525.483
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	11.073.612.628	6.051.370.624

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016
Giá vốn của hàng hóa đã bán	14.493.814.523	6.336.884.512
Giá vốn của dịch vụ cho thuê văn phòng	11.073.612.628	6.051.370.624
TỔNG CỘNG	25.567.427.151	12.388.255.136

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
- Chi phí nhân viên	4.978.221.240	3.671.847.753
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	448.732.199	125.778.981
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	27.262.378	91.649.918
- Chi phí bán hàng khác	632.103.501	539.409.724
TỔNG CỘNG	6.086.319.318	4.428.686.376
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.787.047.997	5.434.309.810
- Chi phí nhân viên	4.690.731.517	3.742.148.190
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	815.022.493	1.417.339.396
- Thuế, phí, lệ phí	2.323.192.088	439.724.327
- Chi phí đồ dùng văn phòng	217.319.873	100.642.031
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	322.481.361	95.227.000
TỔNG CỘNG	15.155.795.329	11.229.390.754

23. THU NHẬP KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền bồi thường, tiền phạt thu được	585.144.932	26.363.637
Thu nhập khác	96.392.465	139.423.061
TỔNG CỘNG	681.537.397	165.786.698

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí nhân công	9.388.868.829	7.413.995.943
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.371.649.549	1.579.570.046
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.571.592.400	11.793.453.199
Chi phí khác	983.616.497	922.428.566
TỔNG CỘNG	32.315.727.275	21.709.447.754

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

	Đơn vị tính: VND	
	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	2.378.626.181
TỔNG CỘNG	-	2.378.626.181

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.304.491.475	11.260.499.619
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	5.460.898.295	2.252.099.924
Các khoản điều chỉnh tăng:		
Chi phí không được khấu trừ thuế	188.907.606	126.526.257
Các khoản điều chỉnh giảm		
Cổ tức lợi nhuận được chia	(64.260.000)	-
Lỗi từ các năm trước chuyển sang	(5.585.545.901)	-
Chi phí thuế TNDN	-	2.378.626.181

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có 6.877.261.578 VND lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

				Đơn vị tính: VND
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2017	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
2013	2018	1.763.928.267	(1.763.928.267)	-
2014	2019	2.329.707.311	(2.329.707.311)	-
2017 (i)	2022	34.804.991.083	(27.927.729.505)	6.877.261.578
TỔNG CỘNG		38.898.626.661	(32.021.365.083)	6.877.261.578

(i) Công ty đã đưa chi phí tiền thuê nhà và thuê đất, với tổng số tiền là 32.021.365.083 VND, liên quan đến giai đoạn trước khi công ty tiến hành cổ phần hóa và đã được trả trong năm 2017 để xác định lỗ tính thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Khoản chi phí này chưa được Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam trước đây ghi nhận và đã được đưa vào lỗ lũy kế theo kế toán của công ty cổ phần trong giai đoạn từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Thuyết minh số 19.1).

Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá rằng các khoản chi phí này đủ điều kiện để được xem là chi phí hợp lý, hợp lệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 căn cứ theo Biên bản kiểm tra thuế tại Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam đề ngày 4 tháng 8 năm 2016. Theo Biên bản này, đoàn kiểm tra của Cục thuế thành phố Hà Nội đã căn cứ theo thỏa thuận trên Hợp đồng mua bán cổ phần nhà đầu tư chiến lược giữa Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam với Tập đoàn VinGroup – Công ty CP và “*tạm thời không ghi tăng chi phí đối với khoản tiền còn phải trả về tiền thuê đất, thuê nhà của các địa điểm trong thời gian từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 26 tháng 4 năm 2016 mà Công ty Savina còn nợ căn cứ theo thông báo tiền thuê nhà đất của Xí nghiệp quản lý nhà quận Hoàn Kiếm*”.

Lỗ thuế ước tính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được cơ quan thuế quyết toán đến thời điểm lập báo cáo tài chính này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ thuế nêu trên do chưa ước tính được chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

			Đơn vị tính: VND	
			Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ		
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Doanh thu cho thuê nhà	2.268.387.300	1.512.885.474
		Tiền thuê nhà đã thu	(2.002.488.390)	-
		Chi phí in sách	379.061.500	-
		Tiền in sách đã trả	(327.911.650)	-
		Cổ tức lợi nhuận được chia	321.300.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sinh Thái ("Công ty Sinh Thái")	Công ty cùng Tập đoàn	Cho vay	-	600.000.000.000
		Thu hồi gốc vay	600.000.000.000	-
		Lãi cho vay phải thu	23.436.000.001	17.966.666.667
		Lãi cho vay đã thu	(25.652.666.668)	(15.750.000.000)
Công ty TNHH Một thành viên Vinschool ("Công ty Vinschool")	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng phải thu	2.477.423.417	-
		Doanh thu bán hàng đã thu	(2.261.160.994)	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan theo mức giá thỏa thuận theo đàm phán hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả thương mại với các bên liên quan tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: không). Việc đánh giá này được thực hiện cuối kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu tiền cho thuê nhà đất	4.496.352.699	3.983.689.384
Công ty Vinschool	Công ty cùng Tập đoàn	Phải thu tiền bán hàng	227.075.545	-
			4.723.428.244	3.983.689.384
Phải thu khác (Thuyết minh số 8)				
Công ty Sinh Thái	Công ty cùng Tập đoàn	Phải thu tiền lãi cho vay	-	2.216.666.667
			-	2.216.666.667
Phải trả người bán (Thuyết minh số 15)				
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Phải trả tiền in sách	89.056.000	-
			89.056.000	-

Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)

Chi tiết khoản cho vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Đơn vị tính: VND					
Bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Tài sản đảm bảo	Ngày đáo hạn	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Công ty Sinh Thái	Công ty cùng Tập đoàn	7%/năm	Không có	Ngày 13 tháng 7 năm 2017	600.000.000.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND		
	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016
Lương và thưởng	457.201.600	323.870.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Đơn vị tính: VND	
	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	27.304.491.475	8.881.873.438
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	27.304.491.475	8.881.873.438
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	27.304.491.475	8.881.873.438
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	67.909.960	67.909.960
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	67.909.960	67.909.960
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	402	131
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	402	131

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày:

	Kinh doanh sách	Cho thuê bất động sản đầu tư	Loại trừ	Đơn vị tính: VND
Doanh thu				Tổng cộng
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	18.939.563.571	12.251.537.920	-	31.191.101.491
Giá vốn các bộ phận	18.939.563.571	12.251.537.920	-	31.191.101.491
Kết quả	14.493.814.523	11.073.612.628	-	25.567.427.151
Lợi nhuận gộp trước thuế của bộ phận	4.445.749.048	1.177.925.292	-	5.623.674.340
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)				21.680.817.135
Lợi nhuận trước thuế				27.304.491.475
Chi phí thuế TNDN				-
Lợi nhuận thuần sau thuế				27.304.491.475
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	19.791.391.881	23.136.128.010	-	42.927.519.891
Tài sản không phân bổ (ii)				705.571.184.139
Tổng tài sản				748.498.704.030
Công nợ bộ phận	9.546.131.450	2.105.425.038	-	11.651.556.488
Công nợ không phân bổ (iii)				11.080.606.805
Tổng công nợ				22.732.163.293

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	Kinh doanh sách	Cho thuê bất động sản đầu tư	Loại trừ	Đơn vị tính: VND
				Tổng cộng
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	9.446.495.205	8.671.525.483	-	18.118.020.688
Giá vốn các bộ phận	9.446.495.205	8.671.525.483	-	18.118.020.688
Kết quả	6.336.884.512	6.051.370.624	-	12.388.255.136
Lợi nhuận gộp trước thuế của bộ phận				
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)	3.109.610.693	2.620.154.859	-	5.729.765.552
Lợi nhuận trước thuế				5.530.734.067
Chi phí thuế TNDN				11.260.499.619
				(2.378.626.181)
Lợi nhuận thuần sau thuế				8.881.873.438
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận				
Tài sản không phân bổ (ii)	16.392.124.592	22.583.155.494	-	38.975.280.086
Tổng tài sản				763.183.537.369
Công nợ bộ phận				
Công nợ không phân bổ (iii)	6.807.291.871	1.216.455.659	-	8.023.747.530
Tổng công nợ				59.247.285.231

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

- (i) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, thu nhập khác và chi phí khác;
- (ii) Tài sản không phân bổ bao gồm tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản đầu tư dài hạn, các khoản phải thu khác, các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn;
- (iii) Công nợ không phân bổ bao gồm thuế và các khoản phải nộp nhà nước, phải trả người lao động, chi phí trích trước và các khoản phải trả ngắn hạn khác không phân bổ.

29. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Rủi ro liên quan đến các hợp đồng thuê đất của Công ty

Công ty hiện đang sử dụng các lô đất và tài sản trên đất tại 22A, 22B Hai Bà Trưng và 50A Hàng Bài, Thành phố Hà Nội làm cơ sở để kinh doanh và để cho thuê văn phòng. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, các hợp đồng thuê nhà và hợp đồng thuê nhà đất nêu trên đã hết hạn và Công ty đang thực hiện việc gia hạn các hợp đồng với các cơ quan quản lý Nhà nước.

Ngoài ra, Công ty cũng được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao hai khu đất tại Kho Bãi Chám, huyện Đông Anh và số 2 Dịch Vọng phố Chùa Hà, Thành phố Hà Nội để sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa ký hợp đồng thuê đất với cơ quan quản lý Nhà nước.

Các khoản nợ tiềm tàng liên quan đến khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc

Theo Điều 1 của Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 524/GCNĐC3/01/1 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày ngày 8 tháng 2 năm 1993, phần vốn góp của phía Việt Nam vào Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc là quyền sử dụng đất với giá trị 1.040.000 USD. Tuy nhiên, do đây là phần vốn góp liên doanh mà Công ty được kế thừa lại từ Công ty Khách sạn và Dịch vụ Văn hóa (một doanh nghiệp Nhà nước nay đã giải thể), Công ty không thể xác định liệu Công ty Khách sạn và Dịch vụ Văn hóa đã hoàn thành các nghĩa vụ về tiền sử dụng đất đối với lô đất này hay chưa, và liệu Công ty có phải chịu các nghĩa vụ về tiền sử dụng đất liên quan đến lô đất này trong trường hợp Công ty Khách sạn và Dịch vụ Văn hóa chưa hoàn thành nghĩa vụ về tiền sử dụng đất hay không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 20 tháng 3 năm 2018, Công ty đã nhận được Quyết định số 891/QĐ-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Nguyễn Thị Minh
Người lập



Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng



Lê Thăng Long
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

**CÔNG TY CỔ
PHẦN SÁCH
VIỆT NAM**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN SÁCH VIỆT NAM
DN: c=VN, st=HÀ NỘI, l=Hoàn
Kiếm, cn=CÔNG TY CỔ PHẦN
SÁCH VIỆT NAM,
0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
0100109829
Date: 2018.03.30 19:56:43 +07'00'